

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3031/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Phan Thị Mai Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Q Đạo – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1371/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4830/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: số nhà 207/19 đường K, Khu phố X, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1974

Địa chỉ: số nhà 207/19 đường K, Khu phố X, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N có mặt. Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2022 và lời trình bày của nguyên đơn bà Vũ Thị N:

Năm 2009, bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Hữu Q, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng thiếu gắn bó do ông Q làm công

việc xây dựng, thường xuyên đi công trình xa nhà. Đến năm 2010, ông Q cặp bồ với người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm. Tuy nhiên sau đó ông Q bị bệnh, bà đã tha thứ và đưa ông vào bệnh viện điều trị, phục hồi sức khỏe và đón ông về nhà cùng chung sống, nhưng chỉ được một thời gian, đến năm 2015 ông Q lại tiếp tục cặp bồ với người khác làm tổn thương nghiêm trọng tình cảm vợ chồng nên bà quyết định ly thân. Từ thời điểm đó ông Q cũng tách ra sống ở nơi khác, đến năm 2021 thì ông trở về, do tình hình dịch bệnh Covid – 19 nên bà cũng đồng ý cho ông sống chung nhà, tuy nhiên hai bên không còn giao tiếp, nói chuyện với nhau. Bà nhận thấy đã làm tròn trách nhiệm của người vợ chăm sóc cho ông Q lúc ốm đau, nhưng trong cuộc sống vợ chồng ông Q không tôn trọng bà, sống thiếu chung thủy và cư xử cộc cằn, thô lỗ, liên tục đập phá đồ đạc mỗi lần có việc không vừa ý làm ảnh hưởng tinh thần của bà. Đến nay bà xác định không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Hữu Q.

Con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Q không có con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Ông xác nhận thời gian kết hôn và mâu thuẫn đúng như bà N trình bày. Khi kết hôn với ông, bà N đã có con riêng nhưng ông vẫn chấp nhận cùng chia sẻ trách nhiệm nuôi con với bà. Do tính chất công việc của ông phải thường xuyên xa nhà nên ông có quan hệ tình cảm với nhiều người là điều bình thường. Từ năm 2011 đến năm 2013 ông bị bệnh, việc bà N đưa ông vào bệnh viện chữa trị, chăm sóc là trách nhiệm của người vợ. Trong cuộc sống vợ chồng bà N thiếu quan tâm đến gia đình của ông nên ông thấy không được tôn trọng, mặt khác do ông thường xuyên xa nhà nên vợ chồng thiếu sự gắn bó, dần dần rạn nứt tình cảm và đến năm 2018 thì ly thân. Tại phiên hòa giải ngày 21/6/2022, ông xác định không còn tình cảm với bà N nên đồng ý ly hôn. Ông thừa nhận nhà, đất tại 207/19 đường K, Khu phố X, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà N tạo lập trước khi kết hôn với ông, tuy nhiên ông có công sức trông coi việc sửa chữa căn nhà nên yêu cầu bà N phải thanh toán cho ông một khoản tiền tương xứng. Ngoài ra, quá trình chung sống ông cũng đóng góp tiền cho bà N nuôi con riêng của bà tên Lưu Thanh V nên ông yêu cầu bà N phải hoàn trả lại cho ông chi phí này. Tổng cộng hai khoản chi phí là 500.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 14/7/2022, ông Q nêu lý do vì bà N không đồng ý thanh toán cho ông số tiền nêu trên nên ông không đồng ý ly hôn. Ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà N thanh toán tiền cho ông. Đối với khoản tiền chu cấp nuôi trẻ Lưu Thanh V (nay đã đủ 18 tuổi), ông Q xác định chỉ yêu cầu bà N hoàn trả, không yêu cầu bà V phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu Q. Bà không đồng ý thanh toán cho ông Q số tiền 500.000.000 đồng vì không có cơ sở. Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Vũ Thị N được ly hôn ông Nguyễn Hữu Q. Về ý kiến của ông Q đề nghị bà N thanh toán số tiền 500.000.000 đồng do bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 58/2009 ngày 20/3/2009 của Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Hữu Q là hợp pháp.

Xét, quan hệ hôn nhân của bà N và ông Q đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010 đến nay vẫn không được giải quyết, hiện tại hai bên không còn quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Phía ông Q cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà N tồn tại nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài nên từ năm 2018 ông bà đã ly thân và hiện tại bản thân ông cũng không còn tình cảm với bà N. Căn cứ lời khai của các đương sự cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Q mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau trong

thời gian dài nên không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về ý kiến của ông Q đề nghị bà N thanh toán số tiền 500.000.000 đồng là chi phí tương đương với công sức trông coi, sửa chữa căn nhà 207/19 đường Kha Vạn Cân, Khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí chu cấp cho Lưu Thanh V (là con riêng của bà N) ăn học, không được bà N chấp nhận. Do ông Q xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp giữa bị đơn và nguyên đơn hoặc bà Lưu Thanh V có tranh chấp về các khoản chi phí nêu trên thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Con chung: Bà N và ông Q không có con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Hữu Q;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị N được ly hôn ông Nguyễn Hữu Q.

1.2. Con chung: Không có.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0027217 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.T;
- CCTHADS Tp.T;
- Đường sự;
- UBND phường H;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh